

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

PHẨM TỨ TƯỚNG

THỨ BẢY

Đức Phật lại bảo Ca Diếp Bồ Tát: “Vị Đại Bồ Tát phân biệt khai thị Đại Bát Niết Bàn có bốn tướng nghĩa: một là tự chánh, hai là chánh tha, ba là hay tùy vấn đáp, bốn là khéo hiểu nghĩa nhân duyên.

Thế nào là “Tự Chánh”? Nếu đức Như Lai thấy các nhân duyên mà có chỗ đáng dạy bảo. Như có Tỳ Kheo thấy cụm lửa lớn bèn nói rằng: thà rằng tôi tự ôm lấy cụm lửa này, trợn chẳng dám ở nơi chỗ đức Như Lai giảng thuyết mười hai phần kinh và tạng bí mật, mà hủy báng là của ma Ba Tuần nói chứ không phải Phật. Thà lấy dao bén cắt đứt lưỡi mình, không bao giờ nói Như Lai, Pháp và Tăng là vô thường. Hoặc nghe

người khác nói như vậy tôi cũng không tin nhận mà còn thương xót cho kẻ ấy.

Như Lai, Pháp và Tăng chẳng thể nghĩ bàn, nên thọ trì như vậy. Tự xem thân mình như cụm lửa. Đây gọi là Tự Chánh”.

Thế nào là “Chánh Tha”? Lúc nọ Phật đang thuyết pháp, có một người nữ vào lễ Phật rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà cố ý hỏi rằng: Có phải nàng vì quá thương con, mà mớm cho con ăn nhiều chất bơ, rồi không biết có tiêu hoá hay không tiêu hoá? - Người nữ liền bạch Phật: “Lạ lòng thay! đức Thế Tôn biết được tâm niệm của con. Bạch Thế Tôn! Sớm mai này tiện nữ cho con ăn nhiều chất bơ, lòng tiện nữ sợ rằng không tiêu hoá được, nó sẽ phải bệnh. Ngưỡng mong đức Như Lai chỉ dạy cho.” - Phật dạy: “Con nàng ăn thức ấy đã tiêu hoá tốt, nó sẽ được khoẻ mạnh”. Người nữ nghe đức Phật nói, thì vui mừng hờ hờ và thốt lời

rằng: “Vì đức Như Lai nói đúng như thật nên con vui mừng”.

Đức Thế Tôn vì muốn điều phục các chúng sanh, mà khéo phân biệt nói tiêu hay chẳng tiêu, cũng nói các pháp vô ngã, vô thường. Nếu Phật nói “thường” trước, các đệ tử sẽ cho rằng pháp này đồng với ngoại đạo mà không chịu tin theo, vì hàng thanh văn đệ tử sẽ chẳng tiêu được pháp thường trụ, nên Như Lai trước dạy pháp “khổ”, “vô thường”. Khi mà hàng thanh văn đệ tử đã đầy đủ công đức, đủ sức tu tập kinh pháp đại thừa, Như Lai ở kinh này nói sáu vị: Một là “khổ”, vị chua; hai là “vô thường”, vị mặn; ba là “vô ngã”, vị đắng; bốn là “lạc”, vị ngọt; năm là “ngã”, vị cay; sáu là “thường”, vị lạt.

Trong thế gian kia có ba vị: vô thường, vô ngã, và khổ, phiền não làm củi, trí huệ làm lửa, do các nhân duyên đó mà thành

cơm Niết Bàn tức là “thường, lạc và ngã”, làm cho các đệ tử đều được nếm mùi ngọt ngon.

Phật lại bảo người nữ rằng: “Nếu nàng có sự duyên muôn đến xứ khác, thì phải đuổi đứa con trai hung ác ra khỏi nhà, rồi đem gia nghiệp giao cho đứa con trai hiền lành.” Người nữ bạch Phật rằng: “Thật đúng như lời đức Thế Tôn dạy, gia nghiệp nên giao cho đứa con hiền, chớ chẳng nên giao cho đứa con dữ.” Phật nói: “Như Lai cũng vậy, lúc nhập Niết Bàn, đem tạng pháp vô thượng phó chúc cho các vị Bồ Tát, chớ không giao cho hàng Thanh văn, vì hàng Thanh văn tưởng là Như Lai thật diệt độ. Còn các vị Bồ Tát thì nhận rằng Như Lai thường trụ không biến đổi. Mà quả thật Như Lai không có diệt độ. Như lúc nàng xa nhà chưa trở về, đứa con ác kia bèn nói là nàng đã chết mất rồi, còn đứa con hiền vẫn tin

tưởng là nàng còn sống. Mà chính thật thì nàng còn sống.

Nếu có chúng sanh nào nhận rằng Phật là thường trụ không biến đổi, phải biết nhà kẻ ấy thì là có Phật.

Đây gọi là Chánh Tha.

Thế nào là Hay Tùy Vấn Đáp? Nếu có người đến hỏi Phật rằng: tôi phải làm thế nào không mất tiền của mà được gọi là Đản-việt đại bố thí? Phật dạy: “Đem tôi trai tó gái bố thí cho những bậc Sa Môn, Bà La Môn thiếu dục tri túc chẳng nhận chẳng chứa các vật bất tịnh. Đem người nữ thí cho vị tu phạm hạnh. Đem rượu thịt thí cho người đã dứt rượu thịt. Đem thực phẩm phi thì thí cho người không ăn phi thì. Đem đồ trang sức thí cho người không trang sức. Bố thí như vậy rất có danh tiếng, mà của tiền khỏi mất hào ly.”

Đây gọi là Hay Tùy Vấn Đáp.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Với người ăn thịt chẳng nên đem thịt đến cho. Vì con thấy người không ăn thịt được công đức lớn.”

Phật khen: “Lành thay! Lành thay! Nay ông có thể khéo biết ý của Như Lai. Bồ Tát hộ pháp phải như vậy.

Này Ca Diếp! Bắt đầu từ ngày nay trở đi Như Lai không cho phép hàng thanh văn đệ tử ăn thịt, nếu đàn việt đem đến dâng thí, phải xem thịt ấy như thịt con mình”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Tại sao đức Như Lai không cho phép ăn thịt?”

Phật dạy: “Này Ca Diếp! Luận về người ăn thịt thì dứt mất giống đại từ”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Duyên có gì ngày trước đức Như Lai cho phép hàng Tỳ Kheo ăn ba thứ tịnh nhục?” Phật dạy:

“Nầy Ca Diếp! Ba thứ tịnh nhục ấy chỉ là theo việc mà tạm chế thôi”.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch: “Bạch Thế Tôn! Duyên có gì mà mười thứ bất tịnh nhĩ đến chín thứ thanh tịnh, Như Lai lại chẳng cho phép?”

Phật nói: “Cũng là nhân nơi sự mà lần lượt chế. Nên biết chính là nghĩa đoạn nhục hiện nay”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Có sao Như Lai khen ngợi ngư nhục là món ăn ngon?”

Phật dạy: “Như Lai cũng chẳng nói loài ngư nhục là món ăn ngon, mà Như Lai vẫn nói mía, đường, gạo, tất cả thứ lúa, bắp, sũa, bơ, dầu, là những thức ăn ngon.

Dẫu rằng Như Lai nói được chứa các thứ y phục, mà đều phải hoại sắc, huống lại tham ưa nơi vị ngư nhục kia”

Ca Diếp lại bạch Phật: “Đức Như Lai nếu chế không được ăn ngư nhục, thì những thứ sữa, bơ, dầu, v.v... và các thứ y phục kiêu xa gia, đồ bằng da thú, ngọc ngà, bồn chậu bằng vàng bạc, cũng đều chẳng nên dùng”.

Phật dạy: “Này Ca Diếp! Chẳng nên có kiến chấp đồng với bọn lõa thể ngoại đạo kia. Bao nhiêu giới cấm của Như Lai chế ra đều có dị ý. Vì dị ý nên cho ăn ba thứ tịnh nhục. Vì dị ý nên cấm ăn mười thứ thịt. Vì dị ý nên cấm tất cả thứ thịt đều không được ăn, dầu là thịt của con vật tự chết.

Này Ca Diếp! Từ nay Như Lai cấm các đệ tử không được ăn tất cả thứ thịt.

Này Ca Diếp! Người mà ăn thịt, hoặc đi đứng nằm ngồi chúng sanh nào nghe đến hơi thịt thì kinh sợ. Ví như người ở gần sư tử, đi đến đâu, mọi người nghe mùi hôi của sư tử đều kinh sợ. Như người ăn tỏi, không

ai dám gần người ấy vì tanh mùi tử. Kẻ ăn thịt cũng vậy, tất cả chúng sanh nghe hơi thịt, thấy đều kinh sợ, nghĩ đến sự chết, các loài cá trạnh, muôn thú cùng chim chóc, đều chạy tránh xa, đều có quan niệm rằng người ấy là kẻ hại ta. Vì thế nên Bồ Tát không ăn thịt, vì độ chúng sanh mà thị hiện ăn thịt. Dầu thị hiện ăn thịt mà thật ra thì không có ăn.

Này Ca Diếp! Hàng Bồ Tát này còn không ăn những thức ăn thanh tịnh, huống lại ăn thịt.

Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, các bậc tứ quả Thánh Nhân đều lần lượt nhập Niết Bàn. Sau khi chánh pháp diệt, trong thì tượng pháp, sẽ có các Tỳ Kheo in tuồng trì luật, ít đọc tụng kinh, tham ưa ăn uống, lo bồi bổ thân thể, y phục mặc trên thân thô xấu hôi dơ, hình dung tiêu tụy không có oai đức, chăn nuôi bò dê vác củi gánh cỏ, tóc

râu để dài, dầu mặc cà sa mà như thợ săn, dầu ngó xuống đi chậm rãi mà như mèo rình chuột. Thường tự xưng rằng ta chứng được quả A La Hán, mang nhiều bệnh khổ nằm lăn trên phân uế, ngoài thì hiện ra tướng hiền thiện, trong thì đầy lòng tham sân như bà la môn, thọ phép cấm, thật chẳng phải Sa môn mà hiện tướng Sa môn, tà kiến xí thành, chê bai chánh pháp. Những người như vậy phá hoại giới luật, chánh hạnh oai nghi của Như Lai chế, và quả giải thoát của Như Lai nói.

Họ rời pháp thanh tịnh và làm hư hoại giáo pháp thậm thâm bí mật. Họ theo ý riêng, nói ngược với kinh luật rằng đức Phật cho phép chúng tôi ăn thịt. Họ đều tự xưng là Sa môn Thích tử.

Này Ca Diếp! Bây giờ lại có các hàng Sa môn chứa thóc, nhận lấy thịt cá, tay tự nấu ăn, cầm xách bình dầu ăn, cùng giày dép

bằng da và lọng báu, thân cận quốc vương, quan lớn, nhà giàu sang, xem tướng, coi sao, siêng học nghề thuốc, chứa nuôi tôi tở, vàng bạc bầy báu, các thứ dưa trái, học tập các nghề: nghề vẽ, nghề nắn, làm sách dạy học, gieo trồng, chú thuật, chế thuốc, đờn ca xướng hát, hương hoa trang điểm, cờ bạc, học các nghề thợ.

Nếu có Tỳ Kheo nào hay tránh lìa các việc ác như trên, nên nói người ấy thật là đệ tử của Như Lai.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, nhân người khác giúp mà sống. Lúc khát thực, nếu được món ăn lộn với thịt, phải làm cách nào để ăn đúng với pháp thanh tịnh?”

Phật dạy: “Này Ca Diếp! Nên lấy nước rửa sạch thịt rồi hãy ăn. Nếu đồ đựng bị thịt làm dơ, chỉ làm cho không có vị thịt thì cho

phép được dùng không tội. Nếu thấy trong thức ăn có nhiều thịt thì không được nhận. Tất cả thứ thịt đều không được ăn. Người ăn thịt thì phải tội.

Nay Như Lai xuống điều chế đoạn nhục như vậy, nếu giảng rộng thì không thể hết. Giờ Niết Bàn gần đến phải nói lược.”

Đây gọi là “Hay tùy vấn đáp”.

Này Ca Diếp! Thế nào là Khéo Hiểu Nghĩa Nhân Duyên?

Như có bốn bộ chúng đến hỏi Như Lai rằng: những nghĩa như vậy, thưở đức Như Lai mới ra đời, có sao chẳng vì vua Ba Tư Nặc nói pháp môn nghĩa lý thâm diệu, hoặc có lúc nói thâm, có lúc nói hiển, hoặc gọi là phạm, hoặc gọi là không phạm, thế nào gọi là đọa? Thế nào gọi là luật? Thế nào là Ba-la-đề-mộc-xoa?

Phật dạy: “ Ba-la-đề-mộc-xoa gọi là tri túc, thành tựu oai nghi, không cất chứa, cũng gọi là tịnh mạng.

Đọa đó gọi là bốn ác thú, và lại đọa đó là đọa nơi địa ngục, nhân A Tỳ luận về chậm mau thì hơn nơi mưa to. Người nghe sợ hãi bèn giữ chặt cấm giới không phạm oai nghi, tu tập tri túc, chẳng thọ lấy tất cả vật bất tịnh. Và lại đọa là thêm lớn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Vì những nghĩa ấy nên gọi là đọa.

Ba-la-đề-mộc-xoa là lìa nghiệp tà bất thiện của thân, khẩu, và ý.

Luật là các giới, oai nghi, nghĩa hay trong các kinh thâm diệu, ngăn thọ tất cả vật bất tịnh, và nhân duyên bất tịnh, cũng ngăn bốn trọng tội, mười ba tội tăng tàn, hai tội bất định, ba mươi tội xả đọa, chín mươi tội đơn đọa, bốn pháp hồi quá, các pháp học, bảy pháp diệt tranh.

Hoặc có người phá tất cả giới, nghĩa là bốn pháp trọng nhứt đến bảy pháp diệt tránh. Hoặc có người chê bai chánh pháp, những kinh điển thậm thâm, và hạng hoàn toàn nhứt-xiên-đề. Những người trên đây tự nói mình thông minh nhiều trí, che dấu tất cả những tội nặng nhẹ, che dấu điều xấu ác như rùa dấu cả sáu chi. Vì che dấu mãi không chịu sám hối nên tội lỗi càng lớn thêm lần. Như Lai biết như vậy nên lần lượt mà chế giới, chẳng đồng thì chế cả thấy được.

Bây giờ có người đến hỏi: “Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai từ lâu đã biết trước những sự ấy, sao không chế trước, phải chăng đức Thế Tôn muốn để chúng sanh mắc tội đọa địa ngục ư? Ví như có nhóm người muốn đến xứ khác, quên đường, đi lạc, mà vẫn không tự biết là lạc đường, lại không gặp ai để hỏi là phải hay không phải. Cũng vậy, chúng sanh mê tối nơi Phật pháp chẳng

thấy con đường chánh chân. Đáng lẽ đức Như Lai nên trước dạy đạo chân chánh. Bảo các Tỳ Kheo này là phạm giới, này là trì giới, phải chế giới như vậy. Vì đức Như Lai là bậc chánh giác chân thật thấy rõ đạo chân chánh. Chỉ có đức Như Lai là đứng trời trong các trời, hay nói pháp thập thiện công đức tăng thượng và nghĩa vị của pháp ấy. Thế nên khái thỉnh đức Thế Tôn chế giới trước.

Phật nói: “Này Thiện nam tử, nếu ông đã nói rằng đức Như Lai hay vì chúng sanh mà dạy pháp thập thiện công đức tăng thượng, thế thì Như Lai xem các chúng sanh như La Hầu La, sao ông lại nạn rằng phải chằng Như Lai muốn chúng sanh phải đọa địa ngục! Như Lai thấy một người có nhân duyên đọa A Tỳ địa ngục, còn vì người ấy mà trụ một kiếp, hoặc không đầy một kiếp. Như Lai có lòng đại từ bi đối với chúng sanh,

đâu có có gì lại phỉnh gạt kẻ mà Như Lai đã xem như con ruột, làm cho nó bị sa vào địa ngục!

Nầy Thiện nam tử! Như người vá áo, thấy áo có lỗ rách vậy sau mới vá. Cũng vậy, thấy chúng sanh có nhân duyên sa vào A Tỳ địa ngục, Như Lai bèn dùng giới lành mà vá đó.

Ví như vua Chuyển Luân trước dạy nhân dân mười nghiệp lành, về sau có người làm ác, vua bèn theo mỗi sự mà dứt ác lần lần, khi sự ác đã dứt rồi, pháp luật của nhà vua tự hành trong dân chúng. Cũng vậy, Như Lai dầu có thuyết pháp mà không được chế luật trước, phải do nơi Tỳ Kheo làm phi pháp, mới theo sự mà chế lần lần. Những người thích chánh pháp, tu hành theo lời dạy của Như Lai, hạng người này mới có thể thấy pháp thân của Như Lai.

Như luân bửu của vua Chuyên Luân không thể nghĩ bàn. Như Lai, Pháp và Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Người hay thuyết pháp và người nghe pháp cũng không thể nghĩ bàn.

Đây gọi là Khéo Hiểu Nghĩa Nhân Duyên.

Bồ Tát phân biệt khai thị nghĩa của bốn điều như vậy, đây là nghĩa nhân duyên trong Đại Thừa đại Niết Bàn.

Lại còn có nghĩa thế này: “Tự Chánh” là được Đại Bát Niết Bàn đây.

“Chánh Tha” là Như Lai vì Tỳ Kheo mà nói rằng Như Lai thường còn không biến đổi.

“Tùy vấn đáp” là, này Ca Diếp! Nhân ông hỏi mà Như Lai mới được dịp vì đại chúng giảng nói nghĩa lý thậm thâm vi diệu trên đây.

“Nghĩa nhân duyên” là, hàng Thanh văn Duyên giác không hiểu được nghĩa rất sâu như vậy, chẳng nghe chữ y do ba điểm mà thành, giải thoát cùng Niết Bàn và Ma ha bát nhã thành tạng bí mật.

Nay Như Lai ở nơi đại hội đây xiển dương phân biệt, khai phát huệ nhãn cho hàng Thanh văn. Giả sử có người nói rằng bốn sự như vậy là một, thế nào chẳng phải hư vọng ư? Thì nên gạn trở lại rằng hư không đây, không chỗ có, không ngại, không động, bốn sự như vậy có gì là khác. Đâu gọi là hư vọng được!”

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Các câu như vậy chính là một nghĩa, đó là nghĩa không.

Tự chánh, chánh tha, hay tùy vấn đáp và hiểu nghĩa nhân duyên, cũng lại như vậy, đồng là đại Niết Bàn cả”

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: “Nếu có người nói thế này: Như Lai vô thường. Biết là vô thường, vì như lời Phật dạy diệt các phiền não gọi là Niết Bàn, cũng như lửa tắt thì không chỗ có, dứt các phiền não gọi là Niết Bàn cũng lại như vậy, thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư? Lại như Phật dạy, rời các cõi hữu lậu, bèn gọi là Niết Bàn, trong Niết Bàn đây không có các cõi hữu lậu, thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư? Như cái áo hư rách hết, chẳng còn gọi là món vật. Cũng vậy, Niết Bàn dứt các phiền não chẳng gọi là vật gì. Thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư? Đức Phật cũng dạy: ly dục tịch diệt gọi là Niết Bàn, như người bị chém đứt đầu thì không còn có đầu, cũng vậy, ly dục tịch diệt rỗng trống, không chỗ có nên gọi là Niết Bàn. Thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư? Phật từng dạy rằng:

Như sắt nung đỏ
 Đập văng mặt lửa
 Văng ra liền tắt,
 Chẳng biết ở đâu!
 Được chánh giải thoát.
 Cũng lại như vậy.
 Đã lìa dâm dục,
 Các cõi hữu lậu.
 Được quả vô động,
 Không rõ đến đâu!

Thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi?

Này Ca Diếp! Nếu ai hỏi gạn như vậy, gọi là lời gạn tà. Ông cũng chẳng nên suy nghĩ rằng tánh Như Lai là diệt tận.

Này Ca Diếp! Dứt hết phiền não không còn gọi là vật, vì đã trọn rốt ráo hẳn, thế nên gọi là “Thường”. Câu này tịch tịnh không có gì hơn. Dứt hết các tướng không có thừa sót. Câu đây trắng sạch thường trụ không thối

chuyên. Thế nên Niết Bàn gọi là thường trụ. Như Lai thường trụ không biến đổi cũng lại như vậy.

Mạt lửa để dụ phiền não, văng ra liền tắt không biết ở đâu, để chỉ Như Lai đã dứt phiền não, chẳng ở trong năm loài. Thế nên Như Lai là pháp thường trụ không có biến đổi.

Này Ca Diếp! Chánh pháp là chỗ tôn thờ của chư Phật, nên Như Lai cung kính cúng dường. Vì pháp là thường trụ nên chư Phật cũng thường trụ”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Nếu lửa phiền não tắt, Như Lai cũng tắt, thế thì Như Lai không có chỗ thường trụ, như mạt sắt kia, mạt ánh lửa đỏ rồi chẳng biết văng đến đâu. Như Lai phiền não cũng vậy, diệt rồi thì vô thường. Lại như trên thanh sắt kia, hơi nóng và màu đỏ tắt rồi thì không còn có, Như Lai cũng vậy diệt rồi thì vô thường.

Diệt lửa phiền não bèn nhập Niết Bàn, nên biết Như Lai tức là vô thường”

Phật nói: “Này Ca Diếp! Thanh sắt là nói các phàm phu. Người phàm dầu diệt phiền não, diệt rồi sanh lại, nên gọi là vô thường. Như Lai chẳng phải như vậy, diệt rồi không còn sanh lại nên gọi là thường”.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch: “Như nơi thanh sắt, màu lửa đỏ đã tắt, đem thanh sắt để lại trong lửa, thì màu đỏ sẽ sanh lại. Nếu như vậy, Như Lai lẽ ra sanh phiền não lại, nếu phiền não sanh trở lại bèn là vô thường”.

Phật nói: “Này Ca Diếp! Ông không nên nói Như Lai vô thường, vì Như Lai là thường trụ.

Như đốt gỗ, khi gỗ hết lửa tắt thì còn tro, phiền não diệt rồi bèn có Niết Bàn. Các điều dụ như áo hư, chém đầu, lọ vỡ cũng như vậy.

Này Ca Diếp! Như sắt nguội có thể làm nóng lại. Như Lai không phải như vậy, dứt phiền não rồi rốt ráo thanh lương, lửa phiền não chẳng còn sanh trở lại.

Vô lượng chúng sanh như thanh sắt kia Như Lai dùng lửa mạnh trí huệ đốt sắt kết sử phiền não của chúng sanh”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Lành thay! Lành thay! Con nay thật biết rõ chư Phật là thường trụ”.

Phật nói: “Này Ca Diếp! Ví như Thánh Vương vốn ở trong cung, hoặc có lúc dạo chơi nơi vườn; dầu lúc ấy vua không có ở giữa đám cung phi, cũng chẳng được nói là vua đã chết. Cũng vậy, Như Lai dầu nhập vào trong Niết Bàn không hiện nơi cõi Diêm Phù, chẳng gọi là vô thường. Như Lai ra khỏi vô lượng phiền não vào nơi Niết Bàn an vui, dạo chơi vui vẻ nơi các vườn hoa chánh giác”.

Ca Diếp Bồ Tát lại hỏi: “Nhu đức Phật đã dạy: Từ lâu Như Lai đã vượt khỏi biên phiên não. Duyên có gì lại cùng Gia Du Đà La sanh La Hầu La? Do có đây mà biết rằng Như Lai chưa vượt khỏi biên cả phiên não. Cúi xin Như Lai nói về nhân duyên đó”.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: “Ông chẳng nên nói Như Lai từ lâu đã vượt khỏi biên cả phiên não, duyên có gì lại cùng Gia Du Đà La sanh La Hầu La, vì có đây nên biết Như Lai chưa vượt khỏi biên cả phiên não.

Này Ca Diếp! Đại Niết Bàn đây hay kiến lập sự nghĩa to lớn. Nay các ông nên chí tâm lắng nghe, rời rộng vì người mà giảng thuyết, chớ sanh lòng nghi ngờ.

Nếu có vị đại Bồ Tát trụ đại Niết Bàn, có thể đem núi Tu Di cao rộng để vào trong vỏ hột đình lịch. Các loài ở tại núi Tu Di không bị chật hẹp, vẫn y như thường, cũng không có quan niệm gì khác, chỉ có người

đáng được độ mới thấy vị Bồ Tát ấy đem núi Tu Di để vào vỏ hộp đình lịch, rồi đem để lại chỗ cũ.

Nầy Ca Diếp! Lại có vị đại Bồ Tát trụ đại Niết Bàn, có thể đem cả cõi đại thiên để vào vỏ hộp đình lịch, chỉ có người đáng được độ là thấy việc làm này, ngoài ra tất cả chúng sanh đều không hay biết cũng không thấy chật hẹp, vẫn y như cũ. Cho đến đem cõi đại thiên để vào lỗ chân lông cũng như vậy.

Lại có vị đại Bồ Tát trụ đại Niết Bàn, ngắt lấy nhiều thế giới ở mười phương để nơi đầu mũi kim, như ghim lá táo, rồi ném để nơi thế giới khác. Những chúng sanh trong các thế giới bị ném đó không hay không biết, chỉ có người đáng được độ là thấy việc làm này, và cũng thấy Bồ Tát đem thế giới đã ném để lại chỗ cũ.

Lại có vị đại Bồ Tát trụ đại Niết Bàn, bức lấy các thế giới ở mười phương để trên bàn tay mặt, rồi ném vụn qua khỏi vô lượng thế giới khác. Cũng có vị đại Bồ Tát trụ đại Niết Bàn đem vô lượng thế giới ở mười phương để vào trong thân mình, hoặc để vào trong một vi trần, vẫn không chật hẹp. Chúng sanh trong các cõi ấy không bị bức ngộp, cũng chẳng hay chẳng biết, chỉ có người đáng được độ mới thấy biết việc làm này, và cũng thấy Bồ Tát đem những thế giới để lại chỗ cũ.

Này Ca Diếp! Vị đại Bồ Tát trụ đại Niết Bàn thì có thể thị hiện vô lượng thân thông biến hoá, vì thế nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Tất cả chúng sanh không có thể suy lường đến được. Nay ông làm thế nào biết Như Lai gần nơi ái dục sanh La Hầu La?

Này Ca Diếp! Như Lai từ lâu đã trụ nơi đại Niết Bàn, thị hiện vô lượng thân thông biến hoá, ở trong cõi đại thiên trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm ức Diêm Phù Đề này, thị hiện vô lượng thân thông biến hoá, như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm đã có nói nhiều. Hoặc ở Diêm Phù Đề thị hiện nhập Niết Bàn, mà chẳng rớt ráo nhập Niết Bàn. Hoặc ở Diêm Phù Đề thị hiện vào thai mẹ, làm cho cha mẹ tưởng là con trai của mình sanh đẻ, mà thân của Như Lai đây trọn hẳn chẳng từ nơi ái dục hoà hiệp mà sanh. Như Lai đã lìa ái dục từ nơi vô lượng kiếp rồi. Thân của Như Lai đây chính là pháp thân, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện vào thai mẹ.

Này Ca Diếp! Nơi vườn Lâm Tỳ Ni, thị hiện từ nơi mẹ là Ma-Gia sanh ra, vừa sanh liền đi qua hướng đông bảy bước xướng lên rằng: Ở trong hàng trời, người, A Tu La, ta là bậc tôn thượng hơn cả.

Cha mẹ và trời người thấy thế vừa sợ vừa mừng cho rằng hi hữu. Mà mọi người nói là đứa trẻ nhỏ. Nhưng chính thật thì thân của Như Lai đã lìa cách trên đây từ vô lượng kiếp.

Thân của Như Lai tức là pháp thân, chẳng phải thân thịt máu mạch gân xương tủy hiệp thành. Vì thuận cách sanh của chúng sanh mà thị hiện làm đứa trẻ. Đi qua hướng Nam bảy bước là thị hiện muốn làm phước điền vô thượng cho chúng sanh. Đi qua hướng Tây bảy bước là thị hiện thân này là thân cuối cùng không còn sanh tử nữa. Đi qua hướng Bắc bảy bước là thị hiện đã qua khỏi sự sanh tử của các cõi. Đi qua hướng Đông bảy bước là thị hiện làm đạo sư cho chúng sanh. Đi qua bốn hướng cạnh bảy bước là thị hiện dứt diệt các thứ phiền não và bốn loài ma, mà thành đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Đi lên bảy bước là thị

hiện không bị vật dơ làm ô nhiễm, như hư không. Đi xuống bảy bước, là thị hiện rưới mưa pháp dập tắt lửa địa ngục, cho chúng sanh hưởng vui an ổn.

Nơi Diêm Phù Đề, sau khi sanh bảy ngày lại thị hiện cạo tóc, mọi người đều cho rằng Như Lai là đứa trẻ mới cạo tóc lần đầu. Kỳ thật, tất cả trời, người, ma vương, Sa môn, Bà la môn, không một ai có thể thấy được đảnh tướng của Như Lai, huống là có người cầm dao đến cạo tóc được. Trong vô lượng kiếp lâu xa về trước, Như Lai đã cạo bỏ râu tóc rồi. Vì muốn tùy thuận theo pháp thế gian, nên Như Lai thị hiện cạo tóc.

Cha mẹ đem ta đến miếu thờ trời, ra mắt Đại Tự Thiên. Lúc Đại Tự Thiên thấy Như Lai, liền chấp tay cung kính đứng qua một bên. Từ lâu xa vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ lìa cách vào miếu trời, nhưng vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Ở Diêm Phù Đề, Như Lai thị hiện xỏ lỗ tai, kỳ thật, tất cả chúng sanh không ai có thể xỏ lỗ tai Như Lai được, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Lại lấy các châu báu làm bông tai sư tử để đeo vào, kỳ thật từ vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ lia đồ trang điểm, nhưng vì muốn tùy thuận thế gian mà thị hiện việc như vậy.

Rồi vào học đường học tập chữ nghĩa, võ nghệ, nghề nghiệp v.v... kỳ thật từ vô lượng kiếp Như Lai đã hoàn toàn rành rẽ tất cả những môn ấy. Xem khắp cả ba cõi, không một ai có khả năng làm thầy của Như Lai được, vì muốn tùy thuận thế gian mà thị hiện vào học đường. Vì thế nên gọi là đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Ở cõi Diêm Phù Đề, tùy thuận thế gian mà thị hiện làm Thái Tử, mọi người đều thấy Như Lai là Thái Tử con trai lớn vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma Gia, hưởng sự

vui sướng trong cảnh ngũ dục (41). Kỳ thật trong vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ lìa sự vui ngũ dục rồi.

Nhà tướng số đoán rằng Thái Tử nếu chẳng xuất gia thì sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương cai trị Diêm Phù Đề, mọi người đều tin lời đoán ấy. Kỳ thật, từ vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ vị Chuyển Luân Thánh Vương mà làm bậc Pháp Vương.

Thị hiện nhằm lìa cảnh vui ngũ dục, dạo thành gặp người già, bệnh, chết cùng vị Sa môn, rồi vượt thành xuất gia hành đạo. Mọi người đều cho rằng Thái Tử Sĩ Đạt Đa mới xuất gia. Nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã xuất gia hành đạo rồi.

Thị hiện thọ giới cụ túc, tinh tấn tu hành đạo, chứng quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán. Mọi người thấy vậy đều nói quả A La Hán

dễ được không khó. Nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã thành tựu quả A La Hán rồi.

Vì muốn độ thoát mọi loài chúng sanh, mà thị hiện trải cỏ làm tòa, ngồi nơi đạo tràng dưới cội Bồ Đề hàng phục Ma quân. Đại chúng đều cho rằng Như Lai mới thành đạo, hàng phục Ma quân. Nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã hàng phục Ma quân rồi. Vì muốn hàng phục chúng sanh càng cường nên thị hiện như vậy.

Như Lai lại thị hiện đại tiện, tiểu tiện, thở ra, hít vào. Mọi người đều cho rằng Như Lai có đại tiện, tiểu tiện và thở. Kỳ thật thân của Như Lai đây đều không có những việc ấy, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Lại thị hiện thọ thực phẩm của người dâng cúng, nhưng thật ra thân của Như Lai đều không có sự đói khát. Lại thị hiện ngủ nghỉ đồng như chúng sanh, nhưng từ vô lượng kiếp, Như Lai đầy đủ trí huệ thâm

diệu, xa lìa tất cả những sự thế gian như đi, đứng, nằm, ngồi, đau đầu, đau bụng, đau lưng, rửa tay, rửa mặt, súc miệng v.v..., mọi người đều cho rằng Như Lai có các oai nghi như vậy. Nhưng thân của Như Lai đều không có những sự ấy, tay chân trong sạch như hoa sen, hơi miệng thơm sạch như mùi thơm ưu-bát-la.

Đại chúng cho rằng Như Lai là nhân loại, mà thật thì Như Lai không phải nhân loại.

Lại thị hiện nhận lấy y phẩn tảo, giặt giũ may nhuộm, nhưng từ lâu Như Lai chẳng cần đến cái y ấy.

Này Ca Diếp! Dầu Như Lai luôn thị hiện nhập Niết Bàn tại Diêm Phù Đề này. Kỳ thật Như Lai chẳng rớt ráo nhập Niết Bàn, mà chúng sanh cho rằng Như Lai thật diệt độ. Phải biết tánh Như Lai thật chẳng

diệt hẳn, là pháp thường trụ, là pháp không biến đổi.

Này Ca Diếp! Đại Niết Bàn là pháp giới của chư Phật Như Lai.

Như Lai thị hiện ra đời thành Phật, chúng sanh đều nói Như Lai mới thành Phật; nhưng thật ra Như Lai chỗ làm đã xong từ vô lượng kiếp rồi, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Này Ca Diếp! Ở Diêm Phù Đề có lúc Như Lai thị hiện chẳng giữ giới cấm, phạm tứ trọng tội, nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai giữ chặt cấm giới chẳng một mảy thiếu sót.

Có lúc thị hiện làm gã nhứt-xiên-đề, nhưng thật ra không phải nhứt-xiên-đề. Làm gì có nhứt-xiên-đề mà thành bậc vô thượng chánh giác!

Có lúc thị hiện phá hoà hiệp tăng, có lúc thị hiện hộ trì chánh pháp, mọi người đều kinh quái.

Có lúc thị hiện làm Ma vương Ba tuần, nhưng từ vô lượng kiếp, Như Lai đã lìa ma sự, trong sạch không nhiễm như hoa sen.

Có lúc thị hiện thân gái thành Phật, mọi người đều nói, rất lạ cho người nữ mà có thể thành Phật. Phải biết Như Lai trọn hẳn không thọ thân gái, vì muốn điều phục vô lượng chúng sanh nên hiện thân gái. Và cũng vì thương xót chúng sanh mà hiện nhiều thứ thân, cho đến hiện thân A Tu La, Súc Sanh, Ngạ Quỷ, Địa Ngục, để độ chúng sanh trong các loài ấy.

Lại thị hiện làm Phạm Thiên Vương để cho người thờ Phạm Thiên vào trong chánh pháp, hẳn đến thị hiện các thân trời khắp các miếu trời cũng vì mục đích ấy. Nhưng

thật ra Như Lai không phải Phạm Thiên, không phải thân trời.

Có lúc thị hiện vào nhà gái dâm, nhưng Như Lai thật không có niệm dục, lòng Như Lai trong sạch không nhiễm ô như hoa sen, vào đây để tuyên thuyết diệu pháp cho hạng người say mê sắc dục.

Lại thị hiện vào nhà thanh y, để giáo hóa hạng nô tỳ cho chúng nó được trụ nơi chánh pháp.

Lại thị hiện làm bác sĩ để dạy học trò, thị hiện chơi bài bạc để độ hạng người bài bạc, thị hiện thân chim thú để độ loài thú, lại thị hiện làm trưởng giả để an lập mọi người trụ nơi chánh pháp, thị hiện làm vua, làm quan, để dìu dắt nhân dân tu chánh pháp.

Lại thị hiện tậ dịch (42) tại nơi Diêm Phù đề, rồi trước thí thuốc cho bệnh nhân, sau giảng dạy đạo pháp. Lại thị hiện cơ cần tai, trước bố thí cơm áo, sau tuyên truyền

diệu pháp. Lại thị hiện đao binh tai, rồi thuyết diệu pháp cho mọi người bỏ lòng oán hận.

Lại thị hiện vì hạng chấp thường mà giảng pháp vô thường, vì hạng chấp lạc mà giảng pháp khổ, vì hạng chấp ngã mà giảng pháp vô ngã, vì hạng chấp tịnh mà giảng pháp bất tịnh. Vì người tham chấp ba cõi, mà thuyết pháp cho họ xa lìa ba cõi, vì độ chúng sanh mà tuyên thuyết diệu pháp vô thượng, trồng cây pháp dược vô thượng để thay cây phiền não, diễn nói chánh pháp để cứu bọn ngoại đạo tà kiến. Dầu thị hiện làm thầy chúng sanh, nhưng Như Lai trọn không có quan niệm là Thầy.

Đức Như Lai chánh giác an trụ Đại Bát Niết Bàn như vậy, nên gọi là thường trụ không biến đổi.

Cũng như thị hiện ở Diêm Phù Đề, ở Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngu Hóa

Châu, Bắc Cu Lô Châu, nhả đến ở khắp cõi đại thiên, Như Lai đều thị hiện như vậy. Như kinh Thủ Lăng Nghiêm đã nói rộng. Vì lẽ ấy nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Nếu có vị đại Bồ Tát an trụ Đại Bát Niết Bàn như vậy, thì có thể thị hiện vô lượng thân thông biến hóa như trên, mà trọn không có chút chướng ngại cùng e sợ.

Này Ca Diếp! Do nhân duyên trên đây, ông chẳng nên nói rằng La Hầu La là con trai của Phật, vì từ vô lượng kiếp. Như Lai đã lìa hẳn dục nhiễm, nên Như Lai gọi thường trụ không biến đổi”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Như lời Phật nói: như ngọn đèn đã tắt thì không có phương sở. Cũng vậy, Như Lai diệt độ rồi thì không phương sở. Thế nào Như Lai gọi là thường trụ?”

Phật nói: “Này Ca Diếp! Ví như người đời thắp đèn dầu, theo số dầu còn thì ngọn

đèn cháy, khi dầu hết thì ngọn đèn tắt, ngọn đèn tắt dụ cho lửa phiền não dứt. Ngọn đèn tắt mà bình đèn vẫn còn. Cũng vậy, phiền não dầu dứt mà Như Lai pháp thân thường còn.

Này Ca Diếp! Ngọn đèn cùng bình đèn có cùng tắt dứt cả không?”

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, không ạ! Tuy không cùng tắt dứt cả, nhưng là vô thường. Nếu đem pháp thân dụ với bình đèn, thì pháp thân cũng vô thường”.

Phật nói: “Này Ca Diếp! Ông không nên nạn như vậy. Đồ vật thế gian là vô thường, Như Lai không phải vô thường. Trong tất cả pháp Niết Bàn là thường, Như Lai tức Niết Bàn nên gọi là thường.

Này Ca Diếp! Nói đèn tắt đó, là nói Niết Bàn của bậc A La Hán chứng, vì A La Hán dứt tham ái phiền não nên dụ như đèn tắt. Bậc A Na Hàm gọi là có tham, vì có

tham nên chẳng được gọi là đồng với đèn tắt. Do nghĩa ấy nên ngày trước Như Lai nói dụ như đèn tắt, chớ chẳng phải đại Niết Bàn đồng với đèn tắt. Bạc A Na Hàm chẳng còn lại thọ thân trong ba cõi nữa, chẳng còn lại thọ thân hôi nhơ, thân trùng, thân ăn uống, thân độc khổ, nên gọi là A Na Hàm. Nếu còn thọ thân thì gọi là Na Hàm, không còn thọ thân mới gọi là A Na Hàm. Nếu còn khứ lai thì gọi là Na Hàm, không còn khứ lai mới gọi là A Na Hàm.

Bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy “Chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật!” Nghĩa này không phải. Vì chư Phật Thế Tôn chỉ có mật ngữ mà không có mật tạng. Như nhà ảo thuật điều khiển người máy. Mọi người đều thấy người máy co duỗi cúi ngửa, nhưng chẳng biết bộ phận trong thế nào. Phật pháp không phải như vậy, Phật pháp làm cho chúng sanh

đều hiểu đều biết. Thế sao lại bảo rằng chư Phật Thế Tôn tôn có tạng bí mật?”

Phật khen: “Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông vừa nói. Như Lai thật không có tạng bí mật. Như trăng tròn giữa đêm thu, trời trong không mây mù, mọi người ai cũng thấy rõ vằng trăng sáng. Lời của Như Lai cũng khai phát hiển lộ rõ ràng, kẻ ngu kia tự không hiểu rồi cho là tạng bí mật. Người trí suốt thấu thì không gọi là tạng.

Này Ca Diếp! Ví như có người để dành vàng bạc đến số ức triệu, vì lòng bòn xén nên chẳng ban ơn bố thí cho kẻ nghèo cùng, chứa của như vậy mới gọi là dấu kín. Như Lai thì không phải thế, từ vô lượng kiếp chứa để vô lượng diệu pháp, lòng không bòn xén, thường đem ban bố cho mọi loài chúng sanh, đâu có thể gọi là Như Lai bí tạng được.

Như có người tật nguyền, hoặc một mắt, cụt tay, què chân, vì hổ thẹn mà không cho người thấy, vì thế nên gọi là núp kín. Như Lai thì không phải thế, bao nhiêu chánh pháp đầy đủ không thiếu đều cho người thấy cả nên pháp của Như Lai không gọi là bí tạng được.

Như người nghèo thiếu nợ nhiều, vì sợ chủ nợ đòi mà ẩn trốn, nên gọi là trốn kín. Như Lai thì không phải thế, Như Lai không có nợ chúng sanh về pháp thế gian. Dầu đối với chúng sanh có nợ xuất thế, nhưng cũng chẳng ẩn mặt, vì Như Lai luôn xem chúng sanh như con đẻ, mà thường diễn thuyết pháp nghĩa vô thượng.

Như trưởng giả giàu có nhiều của, chỉ có một người con trai, trưởng giả rất mến yêu con, bao nhiêu tiền của châu báu đều chỉ cho con biết. Cũng vậy, Như Lai xem chúng sanh đồng là con một.

Như người đời vì nam căn, nữ căn (43) xấu xí nên dùng y phục để che đậy nên gọi là phúc tàng. Như Lai không phải thế, đã dứt hẳn thứ căn ấy, vì không căn nên không chỗ phúc tàng.

Như dòng Bà La Môn có những điều luận nói, trọn không muốn cho người trong dòng Sát Lợi, Tỳ Xá, Thủ Đà (44) nghe biết, vì trong các luận điều của họ có chỗ lỗi ác. Chánh pháp của Như Lai thì không phải như vậy, tất cả đều là lành là phải, vì thế nên chẳng được gọi là bí tạng.

Như trưởng giả (45) rất cưng yêu đứa con trai một, dắt đến nhà trường ý muốn cho học, sau vì sợ con không được mau thành tài nên lại dắt về. Vì thương con nên trưởng giả ngày đêm ân cần dạy cho nó về bán tự, mà không dạy luận Tỳ Già La, vì nó còn nhỏ tuổi quá, chưa đủ sức học.

Này Ca Diếp! Giả sử trưởng giả dạy về bán tự xong, đứa con trai ấy có thể liền được hiểu biết luận Tỳ Già La không?

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn không!”

Phật hỏi: “Nhu vậy trưởng giả có bí tàng đối với con của ông không?”

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn không! Vì đứa con còn thơ ấu, nên trưởng giả không dạy, chớ chẳng phải vì bí tàng lẫn tiếc mà không dạy. Nếu có lòng tạt đổ lẫn tiếc mới gọi là bí tàng. Như Lai không như vậy, sao lại gọi là Như Lai bí tàng được.”

Phật nói: “Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói. Nếu có lòng tạt đổ giận hờn lẫn tiếc mới gọi là bí tàng. Như Lai không có những lòng quấy ấy đâu gọi là bí tàng được.

Này Ca Diếp! Ông trưởng giả trên kia là chỉ cho Như Lai, đứa con trai một của ông là chỉ cho tất cả chúng sanh. Như Lai xem tất cả chúng sanh như con một. Dạy con trai một là nói hàng Thanh văn đệ tử. Còn bán tự (46) đó là nói chín bộ kinh Tiểu Thừa. Luận Tỳ Già La là nói về kinh điển Phương Đẳng (47) Đại Thừa. Vì hàng Thanh văn không đủ sức trí huệ nên Như Lai dạy cho họ bán tự chín bộ kinh điển mà chẳng dạy luận Tỳ Già La kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa.

Này Ca Diếp! Như đứa con trai kia tuổi đã lớn, đủ sức học tập, mà trưởng giả không dạy luận Tỳ Già La mới có thể gọi trưởng giả là bí tàng. Nếu hàng Thanh văn (48) đủ sức lãnh thọ Đại Thừa mà Như Lai lần tiếc không dạy, mới có thể gọi Như Lai có tạng bí mật. Nhưng thật ra Như Lai không phải như vậy, nên Như Lai không có bí tàng.

Như trưởng giả sau khi dạy bán tự xong, kể vì con mà diễn nói Luận Tỳ Già La. Cũng vậy, Như Lai vì các đệ tử giảng nói bán tự chín phần kinh xong, kể vì giảng nói luận Tỳ Già La Phương Đẳng Đại Thừa, chính là diệu lý Như Lai thường còn không biến đổi.

Này Ca Diếp! Như tháng mùa hạ, kéo mây nổi sấm xối mưa lớn, khiến nhà nông cày cấy được mùa. Người không gieo trồng thì không chỗ được, chẳng phải lỗi của Long Vương, mà Long Vương cũng không chỗ tiếc dẫu. Như Lai đây cũng như vậy, xối mưa pháp lớn: Kinh Đại Niết Bàn. Nếu các chúng sanh gieo hạt lành thì được mầm trái trí huệ. Nếu không gieo hạt lành thì không chỗ được. Đây không phải là lỗi ở Như Lai, mà Phật Như Lai cũng không chỗ bí tàng.”

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Nay con quyết định rõ biết Như Lai không chỗ bí

tàng. Như lời Phật nói: Luận Tỳ Già La là nói Phật Như Lai thường còn không biến đổi. Nghĩa đây không phải. Vì sao? Vì ngày trước Phật có nói kệ:

Chư Phật cùng Duyên giác

Nhẫn đến chúng đệ tử

Còn bỏ thân vô thường

Huống là hạng phàm phu.

Nay Phật nói là thường còn không biến đổi, nghĩa đây như thế nào?

Phật dạy: “Này Ca Diếp! Như Lai vì hàng Thanh văn đệ tử mà dạy về bán tự nên nói kệ vô thường ấy.

Này Ca Diếp! Xưa kia, vì mẹ chết nên vua Ba Tư Nặc rất thương nhớ buồn khổ, đến thăm Như Lai. Như Lai liền hỏi có sao nhà vua lại quá buồn khổ như vậy? - Vua đáp: “Bạch Thế Tôn hôm nay Thái hậu thăng hà. Giả sử có người nào làm cho mẹ tôi sống lại, tôi nhường ngôi và đem của tiền

châu báu cùng thân này để thưởng tặng cho người ấy sử dụng.” Như Lai khuyên: “Này Đại Vương! Nhà vua chớ nên quá sâu khổ. Tất cả chúng sanh hễ thọ mạng hết gọi là chết. Chư Phật, Duyên giác, Thanh văn còn bỏ thân này, huống là phàm phu!

Này Ca Diếp! Vì dạy bán tự cho vua Ba Tư Nặc nên Như Lai nói bài kệ ấy.

Nay Như Lai vì các hàng Thanh văn đệ tử giảng nói luận Tỳ Già La, tức là Như Lai thường còn không biến đổi.”

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật:

“Như lời Phật dạy:

Không chỗ chứa nhóm

Nơi ăn biết đủ

Như chim bay không

Dấu không thể tìm.

Bạch Thế Tôn, những nghĩa này là thế nào? Trong chúng hội đây ai được gọi là không chỗ chứa nhóm? Ai được gọi là nơi

ăn biết đủ? Ai đi nơi hư không chẳng thể tìm dấu? Mà sự đi này là đến phương nào?

Phật dạy: “Luận về chứa nhóm là nói về của báu.

Này Ca Diếp! Chứa nhóm có hai thứ: một là hữu vi, hai là vô vi. Chứa nhóm hữu vi là hạnh Thanh văn, chứa nhóm vô vi là hạnh Như Lai.

Này Ca Diếp! Tăng cũng có hai hạng: một là hữu vi, hai là vô vi. Hữu vi Tăng gọi là hàng Thanh văn. Thanh văn Tăng không có chứa nhóm những tội tứ đồ vật phi pháp, kho đụn lúa gạo, muối, mè, đậu, bắp. Nếu có người nói Như Lai cho chứa tội tứ các đồ vật như vậy, người ấy sẽ bị báo rút lưỡi. Hàng Thanh văn đệ tử của Như Lai gọi là không chứa nhóm, cũng được gọi là nơi ăn biết đủ. Nếu có tham ăn gọi là chẳng biết đủ.

Người khó tìm dấu thì là bậc gần đạo vô thượng bồ đề. Như Lai nói người này dấu đi mà không chỗ đến.”

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Hàng hữu vi Tăng còn không chứa nhóm hưởng là vô vi Tăng. Vô vi Tăng chính là Như Lai. Thế sao Như Lai phải có chứa nhóm. Và chứa nhóm đó gọi là cát dấu. Thế nên Như Lai phàm có nói ra đều không lẫn tiếc, thế nào gọi là dấu cát?”

Không thể tìm ra dấu vết đó, gọi là Niết Bàn. Trong Niết Bàn không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, lạnh nóng gió mưa. Sanh già bệnh chết, hai mươi lăm cõi, lia các sự lo khổ và các phiền não. Niết Bàn như vậy là chỗ Như Lai ở thường không biến đổi. Vì nhân duyên ấy, Như Lai đến trong rừng Ta La nơi đại Niết Bàn mà nhập đại Niết Bàn.”

Phật nói: “Này Ca Diếp! Chử Đại đó tánh ấy rộng lớn. Như người sống lâu vô

lượng tuổi thì gọi là đại trượng phu. Người này nếu có thể an trụ nơi chánh pháp thì gọi là bậc siêu thăng trong loài người. Như tám điều giác ngộ của bậc đại nhân mà Như Lai đã dạy, là một người có đủ hay nhiều người có đủ. Nếu một người đủ cả tám thì là rất siêu thăng. Nói rằng Niết Bàn đó, không có tỳ vết.

Này Ca Diếp! Như người bị xuyên tên độc đau nhức lắm, gặp được lương y nhỏ tên độc ra rồi truyền cho thuốc hay, người ấy hết đau nhức được an vui. Vị lương y này liền đi nơi thành ấp và các xóm làng, hễ chỗ nào có người bị thương đau khổ liền đến điều trị.

Cũng vậy, Như Lai thành bậc Đẳng Chánh Giác làm vị đại Y Vương, thấy chúng sanh khổ não nơi Diêm Phù Đề, từ vô lượng kiếp bị tên độc phiền não, dâm nộ, si mê làm đau nhức, bèn nói kinh Đại Thừa cam lộ

pháp dược. Điều trị nơi đây rồi, Như Lai lại đến xứ khác, nơi có tên độc phiến não, thì hiện làm Phật để điều trị. Thế nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Đại bát Niết Bàn đó gọi là chỗ giải thoát. Tùy nơi nào có chúng sanh đáng được điều phục, thì Như Lai ở trong ấy mà thị hiện. Vì nghĩa chân thật thậm thâm này nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.”

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Y sư trong đời có thể điều trị thương tích cho tất cả chúng sanh chăng?”

Phật nói: “Này Ca Diếp! Thương tích của người đời phàm có hai thứ: một là bệnh có thể trị, hai là bệnh không thể trị. Bệnh có thể trị thì y sư trị được, còn bệnh không thể trị thì y sư không trị được.”

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Cứ như lời Phật dạy, thì Như Lai đã trị bệnh cho chúng sanh nơi Diêm Phù Đề này rồi. Nếu

nói đã trị rồi, sao nơi đây còn có chúng sanh chưa được Niết Bàn? Nếu chưa được Niết Bàn cả, sao Như Lai nói rằng điều trị đã xong mà muốn đến xứ khác?”

Phật nói: “Này Ca Diếp! Chúng sanh trong Diêm Phù Đề này có hai hạng: một hạng tin và một hạng không tin. Hạng có lòng tin thì gọi là trị được, vì sẽ không phiền não quyết định được Niết Bàn, thế nên Như Lai nói trị chúng sanh nơi Diêm Phù Đề rồi. Hạng không lòng tin gọi là nhứt-xiển-đề. Hạng nhứt-xiển-đề gọi là không trị được. Trừ hạng nhứt-xiển-đề, ngoài ra đều đã trị xong, thế nên Niết Bàn gọi là không thương tích.”

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là Niết Bàn?”

Phật nói: “Này Ca Diếp! Niết Bàn đó, gọi là giải thoát.”

- Bạch Thế Tôn! Chỗ nói giải thoát, là sắc hay chẳng phải sắc?”

- Nay Ca Diếp! Hoặc là sắc, hoặc là chẳng phải sắc. Thanh văn, Duyên giác giải thoát là không phải sắc. Chư Phật Như Lai giải thoát là sắc.

Nay Ca Diếp! Thế nên giải thoát cũng sắc cũng chẳng phải sắc. Như Lai vì hàng Thanh văn đệ tử nói là chẳng phải sắc.

- Bạch Thế Tôn! Thanh văn Duyên giác nếu chẳng phải sắc thì thế nào được trụ?

- Nay Ca Diếp! Như trời phi tướng phi phi tướng cũng phải là sắc chẳng phải sắc, Như Lai cũng nói là chẳng phải sắc. Như có người nạn rằng Trời phi tướng phi phi tướng nếu chẳng phải sắc thế nào được trụ, đi lại, cử động? Những nghĩa này là cảnh giới chư Phật. Chẳng phải Thanh văn Duyên giác biết được. Giải thoát cũng vậy là sắc chẳng phải

sắc nói là chẳng phải sắc, cũng là tướng chẳng phải tướng nói là chẳng phải tướng. Những nghĩa như vậy là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải hàng Thanh văn Duyên giác biết được.

Bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng: “Ngưỡng mong đức Thế Tôn thương xót nói rộng lại những nghĩa hạnh đại Niết Bàn giải thoát.”

Phật khen: “Lành thay! Lành thay! Đây Ca Diếp! Người chân giải thoát gọi là xa lìa tất cả hệ phược. Nếu chân giải thoát lìa các hệ phược thì không có sanh cũng không hòa hiệp. Ví như cha mẹ hòa hiệp sanh ra con. Người chân giải thoát thì không phải như vậy, thế nên giải thoát gọi rằng chẳng sanh.

Này Ca Diếp! Như đề hồ, tánh nó thanh tịnh. Cũng vậy, Như Lai chẳng phải nhân cha mẹ hòa hiệp mà sanh, tánh Như

Lai thanh tịnh, sở dĩ thị hiện có cha mẹ là vì muốn hóa độ các chúng sanh. Người chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai cùng giải thoát không hai không khác.

Ví như tháng mùa xuân gieo các hạt giống, được hơi ẩm ướt liền mọc mầm lên cây. Người chân giải thoát thì chẳng như vậy.

Lại giải thoát gọi là hư vô. Hư vô tức là giải thoát, giải thoát tức là Như Lai, Như Lai tức là hư vô, chẳng phải năng tác sở tác. Phàm là tác giả dường như thành quách lâu nhà để ngăn kẻ địch, chân giải thoát thì chẳng như vậy. Thế nên giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát tức là pháp vô vi. Ví như thợ gốm làm đồ rồi lại bị bể. Giải thoát chẳng như vậy. Chân thật giải thoát chẳng sanh chẳng diệt. Thế nên giải thoát tức là Như Lai. Cũng vậy, Như Lai bất sanh bất

diệt, chẳng già, chẳng chết, chẳng hư chẳng hoại, chẳng phải pháp hữu vi. Do những nghĩa này nên gọi Như Lai nhập đại Niết Bàn.

Già là dòi dôi, tóc bạc, mặt nhăn, chết là thân hư mạng hết, trong giải thoát không hai thứ này. Vì không già chết nên gọi giải thoát. Như Lai cũng không tóc bạc mặt nhăn các pháp hữu vi dòi dôi, thế nên Như Lai không có già. Không có già thì không có chết.

Lại giải thoát gọi rằng không bệnh. Bệnh là bốn trăm lẽ bốn bệnh và các thứ bệnh ở ngoài đến xâm tổn nơi thân. Nơi đây không có các bệnh ấy nên gọi là giải thoát. Không tật bệnh là chân thật giải thoát, chân thật giải thoát tức là Như Lai. Như Lai không bệnh cho nên pháp thân cũng không có bệnh. Không bệnh như vậy tức là Như Lai.

Chết là thân hư mạng hết. Nơi đây không chết tức là cam lộ. Cam lộ này là chân thật giải thoát, chân giải thoát tức là Như Lai.

Như Lai thành tựu công đức như vậy, thế sao lại nói Như Lai vô thường? Không có lẽ gì nói Như Lai là vô thường được. Là thân kim cang thế nào vô thường! Thế nên Như Lai không gọi là chết.

Như Lai thanh tịnh không có cấu nhơ. Thân Như Lai chẳng bị nhơ nhớp trong thai, như hoa sen trắng bồng tánh trong sạch. Như Lai giải thoát cũng lại như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Thế nên Như Lai thanh tịnh không cấu nhơ.

Lại giải thoát trọn không còn sót thừa những phiền não lỗi lầm. Cũng vậy, Như Lai không có tất cả phiền não lỗi lầm.

Lại giải thoát không có đấu tranh. Ví như người đói, thấy kẻ khác ăn uống thì

sanh lòng tham đoạt. Giải thoát không phải như vậy.

Lại giải thoát gọi là an tịnh. Người phàm tục cho rằng an tịnh là Đại Tự Tại thiên, đây là lời hư vọng. Chân thật an tịnh là rốt ráo giải thoát, rốt ráo giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát tức là an ổn. Như chỗ nhiều giặc cướp chẳng gọi an ổn. Nơi thanh bình mới gọi là an ổn. Trong giải thoát không có bố úy nên gọi là an ổn. Thế nên an ổn tức là chân thật giải thoát, chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp vậy.

Lại giải thoát không có bạn đồng hàng. Có bạn đồng hàng như quốc vương có các lân quốc. Không bạn đồng hàng như Chuyển Luân Thánh Vương không có vua nào đứng ngang hàng. Cũng vậy, giải thoát không có đồng hạng. Không có đồng hàng là chân giải thoát. Chân giải thoát là Như Lai Chuyển

Pháp Luân Vương. Thế nên Như Lai không bạn đồng hàng.

Lại giải thoát không ưu sầu. Có ưu sầu như Quốc Vương sợ nước láng giềng mạnh nên ưu sầu. Giải thoát không như vậy. Như phá được oán địch thì không còn lo sợ nữa. Cũng vậy, giải thoát không có lo sợ, không lo sợ tức là Như Lai.

Lại giải thoát là không lo mừng. Ví như người đàn bà chỉ có một đứa con trai, có việc xa nhà, thoát có tin con bị nạn chết thì rất sầu khổ, về sau lại nghe rằng còn sống thì rất vui mừng. Trong giải thoát không có sự lo mừng như vậy. Không lo mừng là chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát không có bụi nhơ. Như tháng mùa xuân sau khi mặt trời lặn, gió nổi bụi mù. Trong giải thoát không có việc ấy. Không bụi mù dụ cho chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như-Lai.

Như viên minh châu trong búi tóc của Thánh-Vương không có như bợn. Tánh giải thoát cũng không như bợn. Không như bợn dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Như chất vàng không lộn cát đá mới gọi là vàng ròng, ai được vàng ròng thì tự biết là mình có của.

Cũng vậy, tánh giải thoát như chất vàng ròng. Vàng ròng kia dụ cho chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như-Lai.

Như bình sành bị bể, tiếng nghe lạch cạch. Bình bằng kim cương bửu thì chẳng như vậy. Giải thoát cũng không diệt bể. Bình báu kim cương dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai. Thế nên thân Như-Lai không hư hoại.

Tiếng lạch cạch như hột đu đủ dầu phơi trong nắng, nổ tiếng lạch cạch. Giải thoát không có như vậy. Như bình báu kim

cang không có tiếng bễ lạch cạch. Giả sử trăm ngàn người, cùng đua nhau bấn, không ai làm bễ được. Không tiếng bễ lạch cạch dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Như người nghèo thiếu nợ, bị chủ nợ đòi hỏi kiện thưa, gông cùm trói nhốt. Trong giải thoát không có các việc ấy. Như Trưởng giả giàu lớn có vô số vàng bạc châu báu, thế lực tự tại, chẳng mang nợ ai. Giải thoát cũng như vậy, chứa vô lượng của pháp bảo, thế lực tự tại, không có nợ thiếu. Không nợ thiếu dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại chân giải thoát gọi rằng không bức ngặt. Như mùa xuân lẫn nóng, mùa hạ oi bức, mùa đông rét lạnh. Trong chân giải thoát không có những sự chẳng vừa ý như vậy. Không bức ngặt dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Ví như người ăn cá đã no mà lại uống sữa, người này thì là gần sự chết. Trong chân giải thoát không có sự như vậy. Người này nếu được thuốc hay cam lồ thì được khỏi bệnh. Chân giải thoát cũng như vậy. Thuốc hay cam lồ dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Thế nào là bức ngặt, và không bức ngặt? Như người phạm ngã-mạn tự cao cho rằng không ai hại được mình, bèn ở chung với rắn cạp độc trùng, nên biết người này sẽ bị hoạn tử. Đây là bức ngặt. Trong chân giải thoát không có việc như vậy.

Không bị bức ngặt là như thần châu của vua Chuyển Luân trừ được chín mươi sáu thứ độc trùng, ai nghe được thần châu này thì các thứ độc đều tiêu diệt. Chân giải thoát cũng lại như vậy xa lìa cả hai mươi lăm cõi. Tiêu độc dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại không bức ngặt như hư không. Giải thoát cũng vậy. Hư không kia dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại bức ngặt như gàn cỏ khô mà đốt đèn lửa thì bị cháy lan. Trong chân giải thoát không có sự như vậy.

Lại không bức ngặt, ví như mặt trời mặt trăng không bức chúng sanh. Cũng vậy, giải thoát không bức ngặt chúng sanh. Không bức ngặt đây dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là pháp vô-động, vô động là không oan không thân. Như vua Chuyển-Luân-Vương không có vị Thánh vương khác để làm thân hữu. Giải thoát cũng vậy. Thánh vương không thân hữu dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai. Như-Lai tức là pháp vậy.

Như áo trắng dễ nhuộm màu. Giải thoát không như vậy, nên giải thoát là vô-động.

Như hoa bà-sur, muốn có mùi hôi và màu xanh thì không thể được. Cũng vậy, muốn trong giải thoát có mùi hôi và có các màu thì không thể được, nên giải thoát là pháp vô-động. Giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là hi hữu. Như trong nước mọc hoa sen thì không phải hi hữu. Trong lửa mọc hoa sen mới là hi hữu, ai thấy cũng đều vui mừng. Cũng vậy, ai được thấy chân giải thoát cũng đều vui mừng.

Hi hữu kia dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai, Như Lai tức là pháp thân.

Như trẻ nít chưa mọc răng, khôn lớn lần răng mới mọc. Giải thoát chẳng phải vậy. Không có sanh cùng bất sanh.

Lại giải thoát gọi là hư-tịch, vô-hữu, bất-định. Bất-định là như hạng nhứt-xiển-đề không phải rốt ráo chẳng đời, như người phạm tội trọng không phải rốt ráo chẳng thành Phật. Nếu có lòng tin trong sạch ở nơi chánh pháp, hoặc được làm Ưu-Bà-Tắc thì diệt nhứt-xiển-đề. Còn người phạm tội trọng, khi diệt tội ấy thì được thành Phật. Nếu nói là rốt ráo không đời, rốt ráo chẳng thành Phật-đạo thì là không đúng.

Trong chân giải thoát đều không có sự diệt tận như vậy.

Lại hư-tịch thuộc về pháp-giới, như pháp-giới tánh tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại nhứt-xiển-đề nếu diệt tận thì chẳng được gọi là nhứt-xiển-đề. Những gì gọi là nhứt-xiển-đề. Hạng nhứt-xiển-đề đoạn diệt tất cả căn lành, tâm họ không vin níu tất cả pháp lành, nhấn đến không sanh một niệm

lành. Trong chân giải thoát đều không có sự như vậy. Không các việc ấy tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là chẳng thể lường được. Ví như đồng thóc, có thể biết số cân lượng. Chân giải thoát thì chẳng như vậy. Ví như biển lớn thì không thể đo lường được. Cũng vậy, giải thoát không thể đo lường. Không thể đo lường là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là vô-lượng pháp. Như một chúng sanh có nhiều nghiệp báo. Cũng vậy, giải thoát có vô lượng quả báo. Vô lượng quả báo là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là rộng lớn. Như biển lớn không gì sánh bằng. Cũng vậy, giải thoát không gì sánh bằng. Không gì sánh bằng là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là tối thượng, như hư không cao hơn cả không gì sánh. Cũng vậy, giải thoát cao hơn cả không gì sánh. Cao không gì sánh tức chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không gì qua. Ví như chỗ ở của sư tử, các loài thú không con nào qua được. Cũng vậy, giải thoát không gì qua được. Không gì qua được là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là vô thượng. Như phương Bắc là trên cả các phương. Cũng vậy, giải thoát là không còn gì trên. Không gì trên là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là vô-thượng-thượng. Như phương Bắc qua nơi phương Đông là vô-thượng-thượng. Cũng vậy, giải thoát là vô-thượng-thượng. Vô-thượng-thượng là

chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là pháp hăng. Như thân của Trời người chết, đây gọi là hăng, chẳng phải không hăng. Cũng vậy, giải thoát chẳng phải không hăng. Chẳng phải không hăng là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là cứng chắc. Như Khư-đà-la chiên-đàn trầm-thủy, tánh của nó cứng chắc. Cũng vậy, tánh của giải thoát cứng chắc. Tánh cứng chắc tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không rộng rộng. Như thân cây tre lau rộng rộng. Giải thoát không phải như vậy, nên biết giải thoát tức là Như-lai.

Lại giải thoát gọi là không ở được. Như tường vách khi chưa sơn phết thì ruồi muỗi đáp đậu trên đó, lúc sơn phết rồi, côn

trùng nghe mùi sơn bèn không đến đậu ở. Không ở như vậy dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là vô biên. Ví như tụ-lạc đều có biên giới. Giải thoát không phải như vậy, không có biên-tế như hư không. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không thể thấy. Ví như khó thấy dấu chim bay trên hư không, khó thấy như vậy dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là thậm thâm. Vì hàng Thanh-Văn Duyên-Giác không thể vào được. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại thậm thâm đó là chỗ cung kính của Phật và Bồ-Tát. Ví như hiếu tử cúng dường cha mẹ công đức rất sâu. Công đức rất sâu, dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không thấy được. Như người đời không thấy được đỉnh đầu của mình. Cũng vậy, hàng Thanh-Văn-Duyên-Giác không thấy được giải thoát. Chân giải thoát đây tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không nhà cửa. Ví như hư không, không có nhà cửa. Nói nhà cửa là dụ cho hai mươi lăm cõi. Không nhà cửa dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là chẳng thể nắm lấy. Như trái a-ma-lặc, người nắm lấy được. Giải thoát không thể nắm lấy. Không thể nắm lấy là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không thể cầm. Ví như vật huyền không thể cầm. Không thể cầm là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-lai.

Lại giải thoát không có thân thể. Ví như thân người sanh các thứ ghẻ lác, ung nhọt, điên cuồng, gầy ốm. Trong chân giải thoát không có những bệnh như vậy. Không bệnh dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là một vị. Như sữa có một vị. Một vị như vậy là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là thanh tịnh. Như nước không bùn đứng lạng trong sạch. Đứng lạng trong sạch là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là nhứt vị thanh-tịnh. Như giọt mưa nơi hư không nhứt vị thanh-tịnh. Nhứt vị thanh-tịnh dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là trừ dục. Ví như trăng tròn không mây mù. Không mây mù là

chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là tịch-tịnh. Ví như người mang bệnh nóng khi được lành mạnh thì thân tịch-tịnh. Giải thoát cũng vậy, thân được tịch-tịnh. Thân được tịch-tịnh tức chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-lai.

Lại giải thoát tức là bình đẳng. Ví như ruộng hoang, loài rắn độc lang sói đều có tâm sát hại. Giải thoát không như vậy, không có tâm sát hại. Không tâm sát hại là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại bình đẳng đó, như lòng bình đẳng của cha mẹ đối với các con. Giải thoát cũng vậy, tâm ấy bình đẳng. Tâm bình đẳng tức chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không chỗ khác. Ví như có người chỉ ở nơi tòa nhà cao đẹp

sạch sẽ, không có chỗ ở nào khác. Giải thoát cũng vậy, không có chỗ nào khác. Không chỗ nào khác là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là tri-túc. Ví như người đói gặp được món ăn ngon thì ăn mãi không nhàm. Giải thoát không phải như vậy. Như ăn cháo sữa thì không cần món gì nữa. Không cần món gì dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là đoạn tuyệt. Như người bị trói đứt dây được thoát khỏi. Cũng vậy, giải thoát đứt đứt tất cả sự trói buộc của lòng nghi ngờ. Đoạn nghi như vậy là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là đến bờ kia. Ví như con sông lớn có bờ bên này bờ bên kia. Giải thoát không như vậy. Dầu không bờ bên này mà có bờ bên kia. Có bờ bên kia đó là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là im lặng, không phải như biển lớn vang tiếng ò-ạt của thủy triều. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là mỹ-diệu. Ví như các thứ thuốc trộn với trái A-lê-lặc thì có vị đắng. Giải thoát không như vậy, vị như cam lồ. Vị như cam lồ dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát trừ các phiền não. Ví như lương y hòa hiệp các thứ thuốc trị lành các bệnh tật. Cũng vậy, giải thoát trừ được các phiền não. Trừ phiền não tức chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không hẹp. Ví như căn nhà nhỏ không dung được nhiều người. Giải thoát không phải như vậy, dung chứa được nhiều. Dung được nhiều là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là diệt những tham ái, chẳng xen dâm dục. Ví như người nữ nhiều

sự tham dục. Giải thoát không như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai. Như-Lai không có những phiền não, tham dục, sân hận, ngu si, kiêu mạn v.v...

Lại giải thoát gọi là không ái nhiễm. Ái có hai thứ: một là ngã quý ái, hai là pháp ái. Chân giải thoát là nơi ngã quý ái. Vì thương xót chúng sanh mà có pháp ái. Pháp ái như vậy là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-lai.

Lại giải thoát là ngã và ngã sở. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai. Như-Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát tức là diệt tận, là sự tham trong ba cõi. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai. Như-Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát gọi là cứu hộ. Hay cứu hộ tất cả những kẻ sợ hãi. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai. Như-Lai là Pháp vậy.

Lại giải thoát tức là chỗ về. Nếu về nương nơi giải thoát như vậy thì chẳng cầu nương chỗ khác. Ví như có người nương tựa nơi vua, chẳng cầu nương tựa chỗ khác. Dầu nương tựa nơi vua mà có động chuyển. Về nương nơi giải thoát không có động chuyển. Không động chuyển là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai. Như-Lai là pháp vậy.

Lại giải thoát gọi là tòa nhà. Ví như có người đi nơi rừng vắng thì có hiểm nạn. Giải thoát không như vậy, chẳng có hiểm nạn. Chẳng có hiểm nạn tức chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát là vô sở úy. Như sư tử chúa không sợ trăm thú. Cũng vậy, giải thoát không sợ các loài ma. Không sợ sệt là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát không có chật hẹp. Ví như con đường hẹp không dung được hai người đi ngang nhau. Giải thoát chẳng như vậy. Giải thoát ấy tức là Như-Lai. Ví như có người bị cạp rượt té xuống giếng sâu. Giải thoát không như vậy. Giải thoát ấy tức là Như-Lai.

Lại không chật hẹp, như đi thuyền vượt biển an ổn, lòng được vui mừng. Giải thoát cũng vậy, tâm được vui mừng. Được vui mừng là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát là lìa các nhân duyên. Ví như nhân sữa được lặt, nhân lặt được tô, nhân tô được đề-hồ. Trong chân giải thoát đều không có những nhân ấy. Không nhân là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại chân giải thoát hay phục kiêu-mạn. Ví như Đại-vương kiêu mạn đối với Tiểu-

vương. Giải thoát không phải như vậy. Giải thoát ấy tức là Như-Lai, Như-Lai tức là pháp vậy.

Lại giải thoát phục các phóng dật. Người phóng dật thì có nhiều tham dục. Trong chân giải thoát không có tên gọi ấy. Không tên gọi ấy là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát hay trừ vô minh. Như thứ tô thượng hạng lọc sạch cả cặn như bèn gọi là đề-hồ. Cũng vậy, giải thoát trừ sạch vô minh sanh ra chân minh. Chân minh ấy tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là tịch-tĩnh, thuần một không hai. Như voi nơi đồng hoang trống, riêng một mình không bạn bày. Cũng vậy, giải thoát thuần một không hai, thuần một không hai là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là cứng đặc. Như tre, lau, thầu dầu, cọng cây rồng bông mà hột thì cứng đặc. Trừ Phật Như-Lai, tất cả trời người đều không cứng đặc. Chân giải thoát xa lìa tất cả các dòng hữu lậu. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là bỏ các hữu-lậu, như có người ăn rồi mà ói ra. Bỏ các hữu lậu là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là quyết định, như mùi thơm hoa bà-sur không có trong hoa thất-diệp. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là thủy-đại. Ví như thủy-đại thắng hơn các đại khác, hay nhuận hột giống của tất cả cỏ cây. Cũng vậy, giải thoát hay nhuận tất cả loài có sự sanh sống. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là vào. Như có cửa nẻo thì thông vào hầm vàng, có thể được

vàng. Cũng vậy, giải thoát như cửa nẻo kia. Người tu vô ngã thì được vào trong. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là hay giỏi. Ví như học trò theo bên thầy, làm đúng theo chỗ thầy dạy bảo thì được gọi là hay giỏi. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là pháp xuất-thế, ra khỏi hơn nơi tất cả pháp. Như vị của sữa và tô hơn vị của các thứ khác. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là bất động. Như ngách cửa gió không làm động được. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không sóng dợn. Như nước biển cả luôn có sóng dợn. Giải thoát không phải như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là có chỗ dừng. Như vàng Diêm-phù-đàn dùng được nhiều việc.

Không ai nói được chỗ xấu dở của vàng này. Cũng vậy, giải thoát không có xấu dở. Không có xấu dở là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát bỏ hạnh anh-nhi, như người lớn bỏ hạnh trẻ nít. Cũng vậy, giải thoát trừ bỏ năm ấm. Trừ bỏ năm ấm là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là rốt ráo. Như người bị trói, được mở thả, tắm rửa sạch sẽ rồi về nhà. Cũng vậy, giải thoát là rốt ráo thanh tịnh. Rốt ráo thanh tịnh là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là sự vui vô-tác, vì đã ói sạch tham dục, sân hận cùng ngu si. Ví như có người uống nhầm thuốc độc, phải uống thuốc ói, khi ói hết chất độc thì thân được an vui. Giải thoát cũng vậy, ói các độc phiền não kiết phược, thân được an-vui gọi

là sự vui vô-tác. Sự vui vô-tác tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là đoạn tất cả pháp hữu-vi xuất sanh tất cả vô-lậu thiện-pháp. Đoạn bít các đạo: Hoặc là ngã, vô-ngã, phi-ngã, phi vô-ngã. Chỉ đoạn sự chấp lấy, chớ không đoạn ngã-kiến. Ngã kiến đó gọi là Phật tánh. Phật tánh tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là chẳng không mà không. Phạm không, không gọi là vô-sở-hữu, vô-sở-hữu là sự vọng chấp giải thoát của các nhà ngoại đạo Ni-kiền-tử, mà thật ra không có giải thoát nên gọi là không-không. Chân giải thoát thì không như vậy nên gọi là chẳng không mà không. Chẳng không mà không là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không mà chẳng không. Như bình đựng nước đựng sữa, dầu

không nước không sữa nhưng vẫn được gọi là bình nước, bình sữa. Các thứ bình đây không thể gọi là không hay chẳng không được. Nếu nói là không thì không được có sắc, hương, vị, xúc. Nếu nói là chẳng không thì lại không có nước sữa. Giải thoát cũng vậy không thể nói là sắc cùng với chẳng phải sắc. Chẳng thể nói là không cùng với chẳng không. Nếu nói là không thì chẳng được có thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu nói là chẳng không thì ai thọ thường, lạc, ngã, tịnh này. Vì những nghĩa ấy nên không thể nói là không cùng với bất không. Không là nói không hai mươi lăm cõi và các phiền não, tất cả sự khổ, tất cả tướng, tất cả hạnh hữu-vi. Như bình không nước thì gọi là không. Chẳng không là nói chân thật thiện sắc: thường lạc, ngã, tịnh, chẳng động, chẳng biến. Như sắc, hương, vị, xúc của cái bình, thì gọi là chẳng không. Vì vậy nên giải thoát

dụ như cái bình kia. Cái bình kia gặp duyên thì bị bể hư. Giải thoát không hề bị hư hoại. Không thể hư hoại là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là lìa ham muốn. Ví như có người lòng ham muốn ngôi Thiên-Đế, Phạm-Vương, Tự-Tại-Thiên-vương. Giải thoát không như vậy. Khi đã thành bậc Vô-thượng Chánh-giác rồi thì không ai không nghi. Không ai không nghi là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát đoạn sự ham muốn của ba cõi, đoạn tất cả tướng, tất cả hệ phược, tất cả phiền não, tất cả sanh tử, tất cả nhân duyên, tất cả quả báo. Giải thoát như vậy tức là Như-lai. Như-Lai tức là Niết Bàn.

Tất cả chúng sanh vì sợ phiền não sanh tử nên thọ tam quy-y. Ví như bầy nai sợ thợ săn, nhảy khỏi một nhảy dụ cho một quy-y, nhảy ba nhảy dụ ba quy-y. Do nhảy khỏi ba

nhảy mà được thoát nạn an vui. Chúng sanh cũng vậy vì sợ bốn loài ma mà thọ tam quy-y. Do tam quy-y nên được an vui. Được an vui tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai. Như-Lai tức là Niết Bàn. Niết Bàn tức là vô tận. Vô tận tức là Phật tánh. Phật tánh tức là quyết định. Quyết định tức là Vô-thượng Chánh-Giác.”

Ca-Điếp Bồ-Tát bạch Phật: “Bạch Thế-Tôn! Nếu Niết Bàn, Phật tánh, quyết định và Như-Lai là một nghĩa, thế sao nói rằng có ba quy-y?”

Phật dạy: “Này Ca-Điếp! Tất cả chúng sanh sợ sanh tử nên cầu tam quy-y.

Vì do tam quy-y, mà biết Phật tánh, quyết định, Niết Bàn.

Này Ca-Điếp! Có pháp, tên thì một mà nghĩa thì khác. Có pháp, tên cùng nghĩa đều khác. Tên một nghĩa khác như Phật thường, pháp thường, tạng thường, Niết Bàn, hư

không cũng đều thường. Tên cùng nghĩa đều khác: Như Phật gọi là giác, pháp gọi là bất giác, tăng gọi là hòa hiệp, Niết Bàn gọi là giải thoát, hư không gọi là phi-thiện cũng gọi là vô-ngại.

Này Ca-Diếp! Tam quy-y danh nghĩa đều khác, thế nên Như-Lai bảo Ma-Ha-Ba-Xà-Ba-Đề rằng: Này Kiều Đàm-Di chớ cúng dường Như-Lai, nên cúng dường Tăng, nếu cúng dường Tăng thì được cúng dường tam quy đầy đủ. Ma-Ha-Ba-Xà-Ba-Đề thưa rằng trong chúng tăng không Phật không Pháp, sao cho rằng cúng dường Tăng thì được đầy đủ cúng dường tam-quy? Như-Lai dạy: Bà tuân lời Như-Lai đó là cúng dường Phật. Vì giải thoát là cúng dường Pháp. Chúng Tăng nhận lãnh là cúng dường Tăng.

Này Ca-Diếp! Thế nên tam quy chẳng được là một.

Này Ca-Diếp! Hoặ có lúc Như-Lai nói một làm ba, nói ba làm một. Nghĩa ấy là cảnh giới của Chư Phật, chẳng phải là hàng Thanh-Văn cùng Duyên-Giác biết được.

Ca-Diếp Bô-Tát bạch Phật: “Như lời Thế-Tôn nói rất ráo an vui gọi là Niết Bàn, nghĩa này như thế nào? Luận về Niết Bàn thì bỏ thân, bỏ trí, nếu bỏ thân trí ai sẽ thọ vui?”

Phật dạy: “Này Ca-Diếp! Ví như có người ăn xong buồn nôn, bèn đi ra ngoài mà ói, ói rồi trở vào nhà. Bạn bè hỏi anh đã lành mạnh chưa mà trở vào nhà. Người ấy đáp đã lành, thân tôi được an vui. Như-lai cũng vậy, rất ráo xa lìa hai mươi lăm cõi, trọn được chỗ Niết Bàn an lạc không thể động chuyển, không có diệt tận, dứt tất cả thọ, gọi là sự vui không thọ. Không thọ như vậy gọi là sự vui thường trụ. Nếu nói Như-Lai có thọ sự vui thì là không đúng. Thế nên rất ráo vui

tức là Niết Bàn, Niết Bàn tức là chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như-Lai.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Bạch Thế-Tôn! Bất sanh bất diệt là giải thoát ư?”

Phật nói: “Phải! Bất sanh bất diệt tức là giải thoát, giải thoát như vậy tức là Như-Lai.”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Nếu bất sanh bất diệt là giải thoát, thì tánh hư-không cũng không sanh diệt lẽ ra là Như-Lai. Như tánh Như-Lai tức là giải thoát”.

Phật nói: “Này Ca-Diếp! Việc ấy không phải vậy. Như tiếng hót rất thanh diệu của chim Ca-Lăng-Tần-Già cùng chim Mạng-Mạng, chùng có đồng với tiếng hót của chim quạ, chim khách chăng?”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Bạch Thế-Tôn! Trăm ngàn muôn lần tiếng hót của chim quạ, chim khách sánh cũng không

bằng tiếng hót của chim Ca-Lăng-Tần-Già cùng chim Mạng-Mạng.

Bạch Thế-Tôn! Tiếng của chim Ca-Lăng-Tần-Già rất thanh diệu, thân cũng khác, sao đức Thế-Tôn lại đem so sánh với chim quạ, chim khách. Khác nào đem hột đình lịch sánh với núi Tu-Di. Phật sánh cùng hư-không cũng lại như vậy. Tiếng của chim Ca-Lăng-Tần-Già có thể dụ cho tiếng nói của Phật. Không thể đem dụ với tiếng của chim quạ, chim khách.”

Phật khen: “Hay thay! Hay thay! Nay ông khéo hiểu được pháp rất sâu khó hiểu.

Có lúc vì một nhân duyên mà Như-Lai dẫn như không để dụ cho giải thoát. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Chân giải thoát, tất cả trời người không ai có thể sánh ví được. Mà hư không kia thật cũng chẳng phải là ví dụ. Nhưng vì giáo hoá chúng sanh nên đem sự chẳng phải

ví dụ để làm dụ. Phải biết giải thoát tức là Như-Lai. Tánh Như-Lai tức là giải thoát. Giải thoát cùng Như-Lai không hai, không khác.

Này Ca-Diếp! Chẳng phải ví-dụ, như vật không gì sánh không thể dẫn làm dụ. Vì có nhân duyên có thể dẫn làm dụ. Như trong khê-kinh có nói diện mạo đoạn chánh đường như mặt trăng tròn. Voi trắng sạch sẽ như núi tuyết. Trăng tròn không đồng với gương mặt. Núi tuyết chẳng được tức là voi trắng.

Này Ca-Diếp! Chẳng thể đem dụ nào để ví dụ cho chân giải thoát. Chỉ vì giáo hoá chúng sanh mà làm ví dụ thôi. Do nơi ví dụ mà biết các pháp-tánh cũng lại như vậy”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Có sao đức Như-Lai nói hai thuyết như thế?”

Phật nói: “Này ca-Diếp! Ví như có người lòng giận tức tay cầm dao gươm muốn hại Như-Lai. Như-Lai vẫn hòa vui

không có vẽ giận hờn. Người ấy có thể hại được Như-Lai để thành tội nghịch chăng?”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Bạch Thế-Tôn! Không thể được. Vì thân Như-Lai không thể phá hại. Bởi thân Như-Lai vốn không thân chỉ có pháp-tánh. Tánh của pháp-tánh chẳng thể phá hoại. Người ấy đâu hại được thân Phật. Do vì có lòng ác hại mà người ấy thành tội vô-gián.

Do nhân duyên này dẫn các thứ ví dụ để được biết pháp chân thật.

Phật khen: “Hay thay! Hay thay! Lời ông vừa nói chính là chỗ Như-Lai muốn nói.

Này Ca-Diếp! Lại như đứa con ác muốn hại mẹ nó. Nhằm lúc nó ở bên đồng thóc, mẹ nó đem cơm đến. Nó thấy mẹ liền đi mài dao để giết mẹ. Mẹ nó biết ý bèn chui vào đồng thóc để trốn. Nó cầm dao chém khắp đồng thóc, tự cho là đã giết được mẹ

nên rất vừa lòng. lát sau mẹ nó lén chui ra khỏi đồng thóc và trở về nhà.

Ông nghĩ thế nào, đứa con ấy có thành tội vô gián không?”

Ca-Diếp Bò-Tát bạch Phật: “Bạch Thế-Tôn! Không quyết định được. Nếu nói là thành tội thì mẹ nó chưa bị giết chết. Nếu nói là không tội, thì chính nó tự cho là đã giết được mẹ và rất vừa lòng. Người ấy dầu chẳng đầy đủ tội nghịch, mà cũng là nghịch. Do nhân duyên này, nên dẫn các ví dụ để được biết pháp chân thật.”

Phật khen: “Hay thay! Hay thay! Nay Ca-Diếp! Vì nhân duyên ấy nên Như-Lai nói các phương tiện ví-dụ để dụ giải thoát. Dầu nói vô-lượng vô số ví-dụ, mà thật không thể đem dụ để sánh được. Hoặc có nhân duyên cũng nói ví dụ. Hoặc có nhân duyên chẳng nói ví dụ. Thế nên giải thoát thành tựu vô lượng công đức như vậy, thẳng đến Niết

Bàn. Niết Bàn Như-Lai cũng có vô lượng công đức như vậy. Do vì thành tựu viên-mãn vô lượng công đức như vậy nên gọi là Đại-Niết Bàn.”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Bạch Thế-Tôn! Nay con mới biết chỗ đến của Như-Lai là không có cùng tận. Nếu chỗ đã không cùng tận, phải biết thọ mạng cũng phải không cùng tận.”

Phật nói: “Hay thay! Hay thay! Này Ca-Diếp! Nay ông khéo hay hộ trì chánh pháp. Nếu có người nào muốn đoạn trừ phiền não kiết-phược, phải nên hộ trì chánh pháp như vậy.”

THÍCH NGHĨA

(41)– NGŨ-DỤC: Năm điều tham dục:
 1- Tiền của, 2- Sắc đẹp, 3-Danh vị, 4- Ăn mặc. 5- Ngủ nghỉ. Cũng có chỗ nói NGŨ DỤC là tham mê nơi cảnh ngũ trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc.

(42)– Nhân gian có TIÊU TAM TAI (ba tai nạn nhỏ). 1- Tai nạn về bệnh tật nguy hiểm truyền nhiễm, như bệnh dịch, bệnh trái trời, bệnh thiên thì v.v... 2- Tai nạn về sự đói khát. 3- Tai nạn về sự đao binh (giặc loạn).Thế giới có ĐẠI TAM TAI (3 TAI NẠN LỚN): 1- Hỏa tai: tai nạn về lửa đốt cháy từ A-tỳ địa-ngục đến cõi trời Sơ-Thiên. 2- Thủy tai: tai nạn về nước ngập đến cõi trời Nhị-Thiên. 3- Phong tai ; tai nạn về gió thổi tan đến cõi trời Tam-Thiên.

(43)- NAM-CĂN: bộ phận sanh dục của đàn ông. NỮ CĂN: bộ phận sanh dục của đàn bà.

(44)- BỐN GIAI CẤP ở xứ Thiên-Trúc thời kỳ đức Thích-Ca xuất thế 1- Ba-La-Môn: giai cấp bậc thầy của quốc dân, gồm những dòng trí thức thông thái, nắm chủ quyền về văn hóa lễ nghi trong nước. 2- Sát-Đế-Lợi: giai cấp vua chúa hoàng tộc. 3- Tỳ-xá: giai cấp thương mại, thợ thuyền. 4- Thủ-Đà: giai cấp lao công, cần vụ.

(45)-TRƯỜNG-GIÁ: Danh từ tôn gọi hạng giàu sang cũng có đức hạnh.

(46)- “ BÁN TU” chỉ cho những học thuyết sơ cấp, phổ thông, chưa đến trình độ rốt ráo viên mãn.

(47)- PHƯƠNG ĐĂNG: rộng lớn cùng khắp.

(48)- THANH VẤN: Nghe thanh âm; hàng Tiểu-Thừa nghe thanh âm thuyết pháp

của Phật rồi y theo đó tu tập mà đoạn hoặc-nghiệp, chứng chân-quả. Không phải như Đại-Thừa Bồ-Tát tự-ngộ bốn tâm, tự-chứng bốn tánh.